

Số: 22 /2024/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

“b) Hồ sơ, thủ tục chấp thuận các nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

(i) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên; mua, bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

(ii) Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của ngân hàng thương mại;

(iii) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 và bổ sung khoản 5, 6 vào Điều 3 như sau:

“3. Văn bản đề nghị chấp thuận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp) ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được gửi tới Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (đối với ngân hàng thương mại nộp hồ sơ quy định tại Điều 5 và Điều 8 Thông tư này);

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố;

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

5. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

6. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận những nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, trừ những nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng chấp thuận những nội dung thay đổi của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại sau đây:

a) Địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố

nơi ngân hàng thương mại đang đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở);

b) Tăng mức vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn;

c) Tăng mức vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Thay đổi tên và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa chỉ đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở;

e) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố chấp thuận những nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở trên địa bàn trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c(iii) khoản 1 Điều 11 như sau:

“(iii) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin định danh (đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam); đối với tổ chức: tên tổ chức, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của tổ chức (số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam)) của cổ đông, người có liên quan của cổ đông theo quy định của pháp luật;”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a(iii) khoản 1 Điều 12 như sau:

“(iii) Trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần tăng vốn điều lệ dẫn đến việc hình thành cổ đông lớn, văn bản đề nghị phải bao gồm các thông tin sau: tên cổ đông, tỷ lệ cổ phần sở hữu trước và dự kiến sau khi ngân hàng thương mại cổ phần tăng vốn điều lệ;”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 12 như sau:

“d) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin định danh (đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam); đối với tổ chức: tên tổ chức, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của tổ chức (số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam)) của cổ đông, người có liên quan của cổ đông theo quy định của pháp luật.”.

7. Bổ sung điểm c(iii) vào điểm c khoản 1 Điều 13 như sau:

“(iii) Đối với thành viên mới của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng, hồ sơ bao gồm:

- Giấy phép thành lập hoặc chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương (trừ doanh nghiệp Việt Nam);

- Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại ngân hàng theo quy định của pháp luật;

- Bản sao hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của doanh nghiệp tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);

- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho doanh nghiệp được tham gia góp vốn vào ngân hàng;

- Báo cáo về việc đáp ứng các điều kiện đối với đối tác mới là doanh nghiệp không phải ngân hàng khi góp vốn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

- Báo cáo khả năng tài chính tham gia góp vốn ngân hàng liên doanh của doanh nghiệp không phải ngân hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê khai thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp;

- Văn bản cam kết không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Thủ tục chấp thuận đối với trường hợp ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn tăng vốn điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b(iii) khoản 2 Điều 16 như sau:

“(iii) Đối với bên mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng, hồ sơ bao gồm các văn bản quy định tại điểm c(iii) khoản 1 Điều 13 Thông tư này.”

10. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 17 như sau:

“Điều 17. Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 17 như sau:

“3. Việc mua cổ phần của tổ chức, cá nhân dẫn đến tổ chức, cá nhân đó trở thành cổ đông lớn trong trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần tăng mức vốn điều lệ, hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Việc mua cổ phần của tổ chức, cá nhân dẫn đến tổ chức, cá nhân đó trở thành cổ đông lớn trong trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần tăng mức vốn điều lệ mà tổ chức, cá nhân đó không thuộc danh sách cổ đông mua cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần tại điểm d khoản 1 Điều 12 Thông tư này đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 15 Thông tư này. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc mua cổ phần này là bộ phận không tách rời của văn bản chấp thuận tăng mức vốn điều lệ.”

12. Bổ sung Điều 17a như sau:

“Điều 17a. Thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về việc chấp thuận những thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận sửa đổi, bổ sung Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.”

13. Sửa đổi tiêu đề Chương III như sau:

“Chương III. Tổ chức thực hiện”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Đầu mỗi tiếp nhận, thẩm định, lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước (nếu cần thiết), tổng hợp và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận đối với các nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận được văn bản của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến đặt trụ sở kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến đặt trên địa bàn.”

15. Bổ sung khoản 1a vào Điều 18 như sau:

“1a. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, chấp thuận đối với các nội dung thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.”

16. Bổ sung Phụ lục 01, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này vào Thông tư 50/2018/TT-NHNN.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN

1. Bỏ cụm từ “trình tự” tại khoản 1 Điều 1, khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 2, 3 Điều 14, khoản 2 Điều 15, khoản 3 Điều 16, khoản 4 Điều 17.

2. Thay thế cụm từ “hoạt động kinh doanh” và cụm từ “hoạt động” tại Điều 10 bằng cụm từ “giao dịch”.

3. Thay thế cụm từ “khoản 6 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng” bằng cụm từ “khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng” tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm c(ii) khoản 1 Điều 13.

4. Thay thế cụm từ “lợi nhuận để lại” bằng cụm từ “lợi nhuận lũy kế chưa phân phối” tại tên Điều 11, điểm b, c(ii) khoản 1 Điều 11, điểm a(iii) khoản 1 Điều 13, điểm a(iii) khoản 1, khoản 2 Điều 14.

5. Bãi bỏ khoản 3 Điều 1, khoản 3 Điều 10, khoản 1 Điều 17.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2024, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định về hồ sơ của ngân hàng thương mại bằng hình thức trực tuyến quy định tại Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

3. Bãi bỏ các khoản 1, 2, 5, 6, 7 Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Bãi bỏ Điều 2 Thông tư 13/2023/TT-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về cấp Giấy phép, tổ chức, hoạt động và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu:VP, PC, TTGSNH6 (03 bản).

NG. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



Đoàn Thái Sơn

PHỤ LỤC 01

MẪU BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THAM GIA GÓP VỐN NGÂN HÀNG LIÊN DOANH CỦA DOANH NGHIỆP KHÔNG PHẢI NGÂN HÀNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Ngân hàng liên doanh.....

1. Thông tin về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Số Giấy phép thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: Số Fax:
- Tên người đại diện theo pháp luật:
- Ngày tháng năm sinh:
- Số chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

2. Khả năng về tài chính để tham gia góp vốn vào Ngân hàng liên doanh:

- Vốn chủ sở hữu (A):
- Tài sản dài hạn trừ đi Nợ dài hạn dùng để đầu tư tài sản dài hạn (B):
- Khả năng về tài chính để tham gia góp vốn vào Ngân hàng liên doanh ($C = A - B$):
(Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định cần kê khai thêm các thông tin dưới đây)
- Mức vốn pháp định theo yêu cầu của pháp luật hiện hành áp dụng đối với ngành nghề mà doanh nghiệp đang hoạt động (trường hợp doanh nghiệp hoạt động đa ngành thì kê khai mức vốn pháp định cao nhất) (D):
- Vốn chủ sở hữu trừ mức vốn pháp định ($E = A - D$):

Kết luận: Đủ khả năng tài chính tham gia góp vốn vào Ngân hàng liên doanh (chỉ kết luận này khi C và E tối thiểu bằng mức vốn cam kết góp của doanh nghiệp).

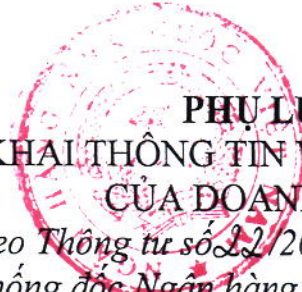
3. Cam kết

- Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;
- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: *Vốn chủ sở hữu, Tài sản dài hạn, Nợ dài hạn dùng để đầu tư tài sản dài hạn lấy theo báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán.*



PHỤ LỤC 02

**MẪU BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG CỦA
DOANH NGHIỆP**

- Tên doanh nghiệp:
 - Mã số thuế:
 - Lĩnh vực kinh doanh:
 - Thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng:
 - Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Địa chỉ:
 - Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:
 - Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:
 - Dư nợ tín dụng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm kê khai:
 - Dư nợ quá hạn tại thời điểm kê khai:
 - Nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:
 - Thời điểm (*Ghi rõ tháng, năm*):
 - Thực trạng xử lý nợ xấu (*Ghi rõ đến thời điểm kê khai đã xử lý như thế nào*):
5. Cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của bảng kê khai.

..., ngày ... tháng ... năm

Người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NAM